

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH BỘ TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI, XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
VỚI QUYẾT ĐỊNH SỐ 51/2025/QĐ-TTG NGÀY 29/12/2025 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

1. So sánh Quyết định ban hành Bộ tiêu chí

TT	QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
I	Quyết định 51/2025/QĐ-TTg	Dự thảo Quyết định	
1	<i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;</i>	<i>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 06 năm 2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030</i>	Cập nhật, bổ sung các văn bản căn cứ theo quy định hiện hành
2	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Quyết định này quy định Bộ tiêu chí xã nông	Theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Quyết định 51/2025/QĐ-TTg giao UBND cấp tỉnh ban hành Bộ tiêu chí về

TT	QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
I	Quyết định 51/2025/QĐ-TTg	Dự thảo Quyết định	
	<p>1. Quyết định này quy định Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, gồm:</p> <p>a) Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục I);</p> <p>b) Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục II);</p> <p>c) Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục III).</p> <p>2. Quyết định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương có liên quan (gọi chung là bộ, cơ quan trung ương); Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã; các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.</p>	<p>thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm:</p> <p>a) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>b) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.</p> <p>c) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 quy định tại điểm a, điểm b khoản này là căn cứ để đánh giá thực trạng và mức độ đạt các nội dung tiêu chí đối với các xã, phường thực hiện xây dựng nông thôn mới; căn cứ để thẩm định và xét công nhận cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt nông thôn mới hiện đại.</p> <p>2. Quyết định này áp dụng đối với các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã và phường An Bình (theo Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai nội dung tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030. Việc tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai Để triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 của UBND tỉnh Gia Lai và tạo cơ sở pháp lý cho các địa phương tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng, xây dựng lộ trình và triển khai thực hiện các tiêu chí nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế nhằm đảm bảo trong giai đoạn 2026-2030 toàn tỉnh có tối thiểu 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và 10% số xã đạt nông thôn mới hiện đại.</p>
3	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và Quy định</p>		<p>Việc giải thích các từ ngữ đã được quy định rõ tại Quyết định 51/2025/QĐ-TTg</p>

TT	QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
I	Quyết định 51/2025/QĐ-TTg	Dự thảo Quyết định	
	<p>khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Xã nhóm 1 là xã liền kề đô thị hiện hữu và có định hướng phát triển thành đô thị hoặc xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%, hoặc xã được định hướng là đô thị mới.</p> <p>2. Xã nhóm 2 là xã không thuộc khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Xã nhóm 3 là xã khu vực II và xã khu vực III thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được cấp có thẩm quyền phân định theo quy định.</p> <p>4. Thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại là thí điểm xây dựng xã có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, thông minh; kinh tế phát triển trên cơ sở chuyển đổi số; môi trường sống an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.</p>		<p>nên tại Dự thảo Quyết định không quy định lại.</p>
4	<p>Điều 3. Tổ chức thực hiện</p> <p>3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:</p> <p>a) Căn cứ hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương liên quan đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể hóa việc áp dụng các nội dung tiêu chí phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát</p>	<p>Điều 2. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh</p> <p>a) Căn cứ vào các tiêu chí được giao phụ trách tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương ban hành hướng dẫn thực hiện, đánh giá chi tiết và hồ sơ minh chứng cụ thể các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã</p>	<p>Theo quy định tại điểm b khoản 3 Quyết định 51/2025/QĐ-TTg giao UBND cấp tỉnh chủ động rà soát, xác định cụ thể danh sách, số lượng xã trên địa bàn thuộc xã nhóm 1 hoặc xã nhóm 2, hoặc xã nhóm 3 để ban hành và chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới: Ngày 05/02/2026, UBND tỉnh đã ban hành</p>

TT	QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
I	Quyết định 51/2025/QĐ-TTg	Dự thảo Quyết định	
	<p>triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm mức yêu cầu không thấp hơn mức chuẩn và hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương;</p> <p>b) Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định này, chủ động rà soát, xác định cụ thể danh sách, số lượng xã trên địa bàn thuộc xã nhóm 1 hoặc xã nhóm 2, hoặc xã nhóm 3 để ban hành và chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới;</p> <p>c) Căn cứ điều kiện thực tế, đặc thù của địa phương, điểm b khoản 1 Điều 1 và khoản 4 Điều 2 Quyết định này, chủ động ban hành tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại và chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến khích thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại ở nơi có điều kiện;</p> <p>d) Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 1 Quyết định này, hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương liên quan đối với các điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và điều kiện thực tế của địa phương, triển khai thực hiện các điều kiện tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;</p> <p>đ) Trường hợp cần thiết, căn cứ điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, ban hành tiêu chí thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (gọi chung là thôn) nông thôn</p>	<p>nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p> <p>b) Tăng cường công tác chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương thực hiện tiêu chí để đảm bảo đạt mục tiêu, kế hoạch thực hiện nông thôn mới giai đoạn 2026 -2030 đã đề ra. Thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh do ngành mình phụ trách.</p> <p>c) Chịu trách nhiệm thẩm định các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai do ngành mình phụ trách.</p> <p>d) Sở Nông nghiệp và Môi trường Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030, trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn cấp xã xây dựng Kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện; kịp thời tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Bộ tiêu chí trên địa bàn tỉnh.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã Chủ động rà soát đánh giá thực trạng các nội dung tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030</p>	<p>Quyết định số 545/QĐ-UBND Phê duyệt danh sách xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030; theo đó: toàn tỉnh có 110 xã và phường An Bình thực hiện xây dựng nông thôn mới. Cụ thể toàn tỉnh: có 12 xã, phường nhóm 1; 16 xã nhóm 2 và 83 xã nhóm 3.</p>

TT	QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
I	Quyết định 51/2025/QĐ-TTg	Dự thảo Quyết định	
	<p>mới, bảo đảm đồng bộ với Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng thôn nông thôn mới trên địa bàn;</p> <p>e) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hàng năm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Định kỳ 6 tháng và hằng năm cập nhật, công khai báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh, thành phố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, thành phố.</p>	<p>trên địa bàn; ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn theo lộ trình thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.</p> <p>3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội các cấp trong tỉnh chủ động triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo phân công; thực hiện giám sát, phản biện xã hội, sự hài lòng của người dân trong quá trình thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.</p> <p>4. Chế độ báo cáo và cung cấp thông tin Các sở, ngành liên quan của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 theo định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm) trước ngày 20 của tháng cuối của từng quý và đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo.</p>	
5	<p>Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành</p> <p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.</p>	<p>Điều 3. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.</p>	<p>Việc quy định cụ thể điều khoản thi hành của Quyết định, để các sở, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường An</p>

TT	QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN			THUYẾT MINH
I	Quyết định 51/2025/QĐ-TTg	Dự thảo Quyết định			
	2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội liên quan của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường An Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này			binh và các cơ quan, đơn vị có liên quan thống nhất áp dụng thực hiện.

2. So sánh quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 (Phụ lục I)

TT	QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN			THUYẾT MINH
II	Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030	Dự thảo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai			
		Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Tiêu chí quy hoạch	Tiêu chí quy hoạch			
1.1	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch. Quy định: Đạt.	Có quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn			Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng và đề xuất của Sở Xây dựng tại văn bản số 3577/SXD-VP ngày 08/05/2026
1.2	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới. Quy định: Đạt.	Có quy hoạch chi tiết cụ thể hóa quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Không quy định		
1.3	Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã. Quy định: Đạt.	Có quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn được phê duyệt hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn	Không quy định		

2	Tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội	Tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội			
2.1	<p>Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa. Quy định: Đạt.</p>	<p>- Về đường xã: 100% được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa và được thực hiện công tác bảo trì hàng năm; 100% đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022</p> <p>Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế; Tỷ lệ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$.</p> <p>- Về đường thôn, ngõ, xóm: 100% được cứng hóa và 100% được thực hiện công tác bảo trì hàng năm.</p>	<p>- Về đường xã: 100% được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt và được thực hiện công tác bảo trì hàng năm; 100% có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014</p> <p>Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; bảo đảm có đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết; Tỷ lệ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$.</p> <p>- Về đường thôn, ngõ, xóm: $\geq 90\%$ được cứng hóa và 100% được thực hiện công tác bảo trì hàng năm.</p>	<p>- Về đường xã: 100% được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt và được thực hiện công tác bảo trì hàng năm; 100% có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014</p> <p>Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; Tỷ lệ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường $\geq 50\%$.</p> <p>- Về đường thôn, ngõ, xóm: $\geq 50\%$ được cứng hóa và 100% được thực hiện công tác bảo trì hàng năm.</p>	<p>Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng và đề xuất của Sở Xây dựng tại văn bản số 3577/SXD-VP ngày 08/05/2026</p>

2.2	<p>Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động. Quy định: Đạt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm đạt 100%. - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$. - Có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị hoặc tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 8\%$. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm đạt 100%. - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$. - Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 5\%$. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm đạt 100% (đối với các xã có công trình thủy lợi). - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 50\%$ (đối với các xã có công trình thủy lợi) hoặc diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương. 	<p>Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Chi cục Thủy lợi tại văn bản số 275/CCTL-PCTT ngày 27/03/2026 và số 395/CCTL-HCTH ngày 28/04/2026</p>
2.3	<p>Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Quy định: Đạt.</p>	Tốt	Khá	Đạt	
2.4	<p>Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. Quy định: $\geq 98\%$</p>	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$	
2.5	<p>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. Quy định: Đạt.</p>	<p>Đáp ứng 01 trong các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chợ đạt chuẩn chợ kinh 	<p>Đáp ứng 01 trong các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chợ đạt tiêu chí quy định và 	<p>Đáp ứng 01 trong các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chợ đạt tiêu chí theo quy định 	<p>Căn cứ Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công Thương và đề xuất của Sở Công Thương tại văn bản số 1769/SCT-VP ngày 15/04/2026</p>

		<p>doanh thực phẩm theo TCVN 11856:2017 đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Công Thương.</p> <p>- Có siêu thị hạng 3 trở lên đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Công Thương.</p>	<p>đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn đánh giá chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất 01 khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ theo quy định của Bộ Công Thương.</p> <p>- Có siêu thị mini trở lên theo quy định của Bộ Công Thương.</p>	<p>của Bộ Công Thương.</p> <p>- Có một trong các loại hình cơ sở bán lẻ khác phù hợp theo quy định của Bộ Công Thương.</p>	
2.6	Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất. Quy định: Đạt.	<p>- 100% các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất.</p> <p>- Dịch vụ viễn thông, Internet hiện có trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.</p>			<p>Căn cứ Hướng dẫn số 3781/HD-BKHHCN ngày 01/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ và đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ tại văn bản số 02070/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 03/06/2026</p>
3	Tiêu chí Phát triển kinh tế nông thôn	Tiêu chí Phát triển kinh tế nông thôn			
3.1	Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người. Quy định: Bình quân từ 9,5-12%/năm	$\geq 9,5\%$			<p>Căn cứ Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính và văn bản đề xuất của Thống kê tỉnh tại văn bản số 224/TKT-NNXH ngày 25/05/2026</p>

3.2	<p>Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Quy định: Đạt.</p>	<p>- Có ít nhất 01 vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng hoặc vật nuôi chủ lực của xã. - Có diện tích hoặc sản lượng vùng nguyên liệu được chứng nhận chất lượng hợp lệ (VietGAP, hữu cơ, HACCP, ISO 22000, chứng nhận sản phẩm an toàn...) - Có hồ sơ quản lý vùng nguyên liệu do UBND xã lưu giữ, cập nhật dữ liệu số trên hệ thống quản lý của cơ quan cấp tỉnh.</p>			<p>Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Chi cục: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (tại văn bản số 286/TTBVTV ngày TT - 26/03/2026); Kiểm lâm (tại văn bản số 907/CCKL-SDPTR ngày 27/03/2026); Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (tại văn bản số 386/QLCL-CL ngày 31/03/2026); Thủy sản (tại văn bản số 258/TS-NTTS ngày 30/03/2026); Chăn nuôi và Thú y (tại văn bản số 361/CNTY-CN ngày 06/04/2026);</p>
		<p>Có liên kết chế biến và tiêu thụ ổn định theo chuỗi giá trị.</p>	<p>Có hợp đồng hoặc thỏa thuận liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.</p>	<p>Có tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.</p>	
3.3	<p>Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả. Quy định: \geq 01 mô hình.</p>	<p>Có ít nhất 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương</p>	<p>Có ít nhất 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả</p>	<p>Có ít nhất 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp điều kiện thực tế của địa phương</p>	
3.4	<p>Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương. Quy định: Đạt.</p>	<p>- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030. - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn</p>		<p>- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030.</p>	<p>Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Văn phòng Điều phối xây dựng NTM</p>

		<p>thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên.</p> <p>- Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.</p>	<p>- Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn.</p> <p>- Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.</p>	
3.5	<p>Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương. Quy định: Đạt.</p>	<p>- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP.</p> <p>- Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm.</p>	<p>- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo</p>	

			<p>của xã được công nhận sản phẩm OCOP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm. 	
3.6	Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả. Quy định: Đạt.	<p>Có tối thiểu 01 hợp tác xã đạt các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành. - Kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của hợp tác xã trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. - Có tối thiểu 01 loại sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên chính thức phù hợp với từng loại hình hợp tác xã. - Có quy mô thành viên tối thiểu 30 thành viên đối với HTX hoạt động lĩnh vực chăn nuôi (bao gồm nuôi trồng thủy sản), tối thiểu 50 thành viên đối với các lĩnh vực còn lại; số lượng thành viên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tăng tối thiểu 5%/năm (hoặc 10 thành viên/năm). <p>(Lưu ý: HTX được chọn làm hồ sơ minh chứng về nội dung tiêu chí bắt buộc phải có hoạt động kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp. Tránh lấy HTX thương mại, HTX vận tải làm hồ sơ minh chứng về nông thôn mới)</p>		<p>Căn cứ Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính và đề xuất của Chi cục Phát triển nông thôn tại văn bản số 376/CCPTNT-KTHT ngày 29/05/2026</p>
3.7	Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả. Quy định: ≥ 01 .	Không quy định	<p>Có tối thiểu 01 tổ khuyến nông cộng đồng và đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tổ khuyến nông cộng đồng được UBND xã quyết định thành lập 	<p>Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Trung tâm Khuyến nông tại văn bản số 170/KN-HCTH ngày 26/03/2026</p>

			hoặc kiện toàn, có quy chế hoạt động. - Có kế hoạch hoạt động hằng năm và được triển khai thực tế. - Trong năm có ít nhất 02 hoạt động cụ thể. - Có minh chứng cụ thể về kết quả, sản phẩm.		
			- Đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định.	- Đạt từ 60 điểm trở lên theo quy định.	
3.8	Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định. Quy định: $\geq 40\%$.	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Căn cứ Hướng dẫn số 286-HD/HNDTW ngày 24/3/2026 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và đề xuất của Hội Nông dân tỉnh tại văn bản số 150/CV/HNDT ngày 29/03/2026
3.9	Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương. Quy định: Đạt.	- Có xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn hoặc tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. - Có số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng từ 5% trở lên.			Căn cứ Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính và đề xuất của Sở Tài chính tại văn bản số 5183/STC-QLN ngày 28/05/2026
		Có số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 15%/năm trở lên	Có số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 12%/năm trở lên	Có số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 10%/năm trở lên	
3.10	Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật. Quy định: ≥ 01 .	Có tối thiểu 01 khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, gồm: - Khu công nghiệp đáp ứng các yêu cầu theo quy định, gồm: Được quy hoạch phù hợp với quy hoạch tỉnh;			- Về Khu công nghiệp: Căn cứ Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính và đề xuất của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại văn bản số 2035/BQL-QHXD ngày 06/06/2026. - Về cụm công nghiệp: Căn cứ Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ

		<p>Được thành lập theo đúng quy định của pháp luật; Khu đất thực hiện đầu tư khu công nghiệp đã được Nhà nước thu hồi và bàn giao theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Cụm công nghiệp đáp ứng các yêu cầu theo quy định, gồm: Có trong danh mục các cụm công nghiệp thuộc quy hoạch tỉnh; Được thành lập theo quy định; Được đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật.</p>			Công Thương và đề xuất của Sở Công Thương tại văn bản số 1769/SCT-VP ngày 15/04/2026
		- Làng nghề hoặc làng nghề truyền thống được UBND cấp tỉnh công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu theo quy định xã nhóm 1 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Làng nghề hoặc làng nghề truyền thống được UBND cấp tỉnh công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu theo quy định xã nhóm 2 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Làng nghề hoặc làng nghề truyền thống được UBND cấp tỉnh công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ đáp ứng các yêu cầu theo quy định xã nhóm 3 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Chi cục Phát triển nông thôn tại văn bản số 211/CCPTNT-CTGN ngày 27/03/2026
4	Tiêu chí Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	Tiêu chí Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn			
4.1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ. Quy định: $\geq 27\%$.	$\geq 40\%$	$\geq 35\%$	$\geq 27\%$	Căn cứ Văn bản số 2558/BNV-CTTN&BDG ngày 20/3/2026 của Bộ Nội vụ và đề xuất của Sở Nội vụ tại văn bản số 2106/SNV-CQTN&VTLT ngày 03/04/2026
4.2	Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông. Quy định: Đạt.	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Căn cứ Thông tư số 42/2026/TT-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 3458/SGDĐT-QLCLGDCN ngày 10/06/2026
5	Tiêu chí Văn hóa, Giáo dục, Y tế	Tiêu chí Văn hóa, Giáo dục, Y tế			
5.1	Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa. Quy định: Đạt.	Đạt các nội dung theo quy định xã nhóm 1 của Bộ Văn hóa, Thể	Đạt các nội dung theo quy định xã nhóm 2 của Bộ Văn hóa, Thể	Đạt các nội dung theo quy định xã nhóm 3 của Bộ Văn hóa, Thể	Căn cứ Hướng dẫn số 1984/HD-BVHTTDL ngày 14/4/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và đề xuất của Sở Văn hóa, Thể thao và Du

		thao và Du lịch, gồm: về cơ sở vật chất văn hóa; về hoạt động văn hóa cơ sở; về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; về di sản văn hóa; về chuyển đổi số, dữ liệu số; về nhân lực quản lý văn hóa.	thao và Du lịch, gồm: về cơ sở vật chất văn hóa; về hoạt động văn hóa cơ sở; về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; về di sản văn hóa; về chuyển đổi số, dữ liệu số; về nhân lực quản lý văn hóa.	thao và Du lịch, gồm: về cơ sở vật chất văn hóa; về hoạt động văn hóa cơ sở; về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; về di sản văn hóa; về chuyển đổi số, dữ liệu số; về nhân lực quản lý văn hóa.	lịch tại văn bản số 2237/HD-SVHTTDL ngày 29/05/2026
5.2	Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục. Quy định: Đạt.	<ul style="list-style-type: none"> - $\geq 90\%$ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia. - $\geq 90\%$ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương. - $\geq 90\%$ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ 	<ul style="list-style-type: none"> - $\geq 80\%$ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia. - $\geq 85\%$ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương. - $\geq 85\%$ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ 	<ul style="list-style-type: none"> - $\geq 70\%$ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia. - $\geq 80\%$ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương. - $\geq 80\%$ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác. 	Căn cứ Thông tư số 42/2026/TT-BGDĐT ngày 29/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 3458/SGDĐT-QLCLGDCN ngày 10/06/2026

		thông và các trình độ khác.	thông và các trình độ khác.		
		<ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi. - Đạt giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. 			
5.3	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Quy định: Đạt.	Xã được UBND tỉnh công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế.			Căn cứ Thông tư số 1102/QĐ-BYT ngày 21/4/2026 của Bộ Y tế và đề xuất của Sở Y tế tại văn bản số 3076/SYT-NVY ngày 28/04/2026
5.4	Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội. Quy định: Đạt.	Trạm y tế cấp xã được cấp có thẩm quyền thành lập theo quy định; là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế cấp xã thuộc tỉnh theo các văn bản pháp luật hiện hành.			
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	Giảm nghèo và An sinh xã hội			
6.1	Tỷ lệ nghèo đa chiều. Quy định: $\leq 2\%$	$\leq 2\%$	$\leq 5\%$	$\leq 13\%$	Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Chi cục Phát triển nông thôn tại văn bản số 211/CCPTNT-CTGN ngày 27/03/2026
6.2	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố. Quy định: $\geq 75\%$	$\geq 95\%$	$\geq 85\%$	$\geq 75\%$	Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng và đề xuất của Sở Xây dựng tại văn bản số 3577/SXD-VP ngày 08/05/2026
6.3	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Quy định: Đạt.	$\geq 80\%$ (trong đó phải có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)	$\geq 70\%$ (trong đó phải có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)	$\geq 40\%$ (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp	Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Chi cục Thủy lợi tại văn bản số 275/CCTL-PCTT ngày 27/03/2026

				nước tập trung (nếu có).	
6.4	Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”. Quy định: Đạt.	<p>Đáp ứng các yêu cầu xã theo quy định xã nhóm 1 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Trong đó, hộ đạt tiêu chuẩn 5 không: không nghèo $\geq 98\%$, Không bạo lực $\geq 90\%$, Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội $\geq 85\%$, Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học $\geq 85\%$, Không lãng phí $\geq 85\%$; hộ đạt tiêu chuẩn 3 sạch: sạch nhà (sử dụng nước sạch, có nhà tiêu hợp vệ sinh, phân loại rác thải tại nguồn) $\geq 80\%$, sạch bếp $\geq 90\%$, sạch ngõ $\geq 90\%$; hộ đạt tiêu chuẩn 3 an: an toàn $\geq 90\%$, an tâm $\geq 85\%$, an sinh $\geq 85\%$</p>	<p>Đáp ứng các yêu cầu xã theo quy định xã nhóm 2 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Trong đó, hộ đạt tiêu chuẩn 5 không: không nghèo $\geq 95\%$, Không bạo lực $\geq 85\%$, Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội $\geq 80\%$, Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học $\geq 80\%$, Không lãng phí $\geq 80\%$; hộ đạt tiêu chuẩn 3 sạch: sạch nhà (sử dụng nước sạch $\geq 70\%$, có nhà tiêu hợp vệ sinh $\geq 75\%$, phân loại rác thải tại nguồn $\geq 80\%$) , sạch bếp $\geq 85\%$, sạch ngõ $\geq 85\%$; hộ đạt tiêu chuẩn 3 an: an toàn $\geq 80\%$, an tâm $\geq 80\%$, an sinh $\geq 80\%$</p>	<p>Đáp ứng các yêu cầu theo quy định xã nhóm 3 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Trong đó, hộ đạt tiêu chuẩn 5 không: không nghèo $\geq 87\%$, Không bạo lực $\geq 80\%$, Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội $\geq 75\%$, Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học $\geq 75\%$, Không lãng phí $\geq 75\%$; hộ đạt tiêu chuẩn 3 sạch: sạch nhà (sử dụng nước sạch $\geq 40\%$, có nhà tiêu hợp vệ sinh $\geq 70\%$, phân loại rác thải tại nguồn $\geq 80\%$), sạch bếp $\geq 80\%$, sạch ngõ $\geq 80\%$; hộ đạt tiêu chuẩn 3 an: an toàn $\geq 70\%$, an tâm $\geq 75\%$, an sinh $\geq 70\%$</p>	<p>Căn cứ Hướng dẫn số 53/HD-ĐCT ngày 11/5/2026 của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và đề xuất của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tại văn bản số 255/BTV-CTPN ngày 19/05/2026</p>

6.5	Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Quy định: Đạt.	<ul style="list-style-type: none"> - Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở cấp xã. Tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 25% trở lên. - Các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực...) có ít nhất 40% phụ nữ tham gia. - Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở và lịch đăng tải/phát sóng được lưu đầy đủ. - Có ít nhất 01 nơi tạm lánh hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình ở cấp xã, do địa phương bố trí ở địa điểm phù hợp. - Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn. 			Căn cứ Văn bản số 2558/BNV-CTTN&BDG ngày 20/3/2026 của Bộ Nội vụ và đề xuất của Sở Nội vụ tại văn bản số 2106/SNV-CQTN&VTLT ngày 03/04/2026
6.6	Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có). Quy định: Đạt.	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Y tế; trong đó, tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp $\geq 98\%$	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Y tế; trong đó, tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp $\geq 96\%$	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Y tế; trong đó, tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp $\geq 94\%$	Căn cứ Thông tư số 1102/QĐ-BYT ngày 21/4/2026 của Bộ Y tế và đề xuất của Sở Y tế tại văn bản số 3076/SYT-NVY ngày 28/04/2026
6.7	Đảm bảo an toàn thực phẩm. Quy định: Đạt.	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; - Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định; không để xảy ra mất an toàn thực phẩm trên địa bàn. 			Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tại văn bản số 386/QLCL-CL ngày 31/03/2026)
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số			
7.1	Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn. Quy định: Đạt.	Xã có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng có khả năng hỗ trợ phục vụ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng			Căn cứ Hướng dẫn số 3781/HD-BKHCHN ngày 01/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ và đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ tại văn

		các điều kiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, gồm: Về cơ sở vật chất; Về dịch vụ bưu chính.			bản số 02070/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 03/06/2026
7.2	Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường. Quy định: Đạt.	<p>- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 95\%$.</p> <p>- Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ.</p> <p>- Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến xã đạt 100%.</p> <p>- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục</p>	<p>- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 85\%$.</p> <p>- Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ.</p> <p>- Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã đạt 100%.</p> <p>- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục</p>	<p>- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc đạt tỷ lệ $\geq 70\%$.</p> <p>- Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ.</p> <p>- Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã đạt 100%.</p> <p>- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục</p>	<p>Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Văn phòng Đăng ký đất đai tại văn bản số 989/VPĐK-TTLT ngày 02/04/2026</p>

		<p>hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 95\%$</p> <p>- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 95\%$</p>	<p>hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 85\%$</p> <p>- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 85\%$</p>	<p>hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 70\%$</p> <p>- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 70\%$</p>	
7.3	<p>Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử. Quy định: Đạt.</p>	<p>Đạt các nội dung tiêu chí theo quy định xã nhóm 1 của Bộ Công Thương, gồm: Năng lực và kỹ năng số; Hệ sinh thái cộng đồng thương mại điện tử địa phương; Mức độ triển khai hoạt động thương mại điện tử.</p>	<p>Đạt các nội dung tiêu chí theo quy định xã nhóm 2 của Bộ Công Thương, gồm: Năng lực và kỹ năng số; Hệ sinh thái cộng đồng thương mại điện tử địa phương; Mức độ triển khai hoạt động thương mại điện tử.</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Căn cứ Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công Thương và đề xuất của Sở Công Thương tại văn bản số 1769/SCT-VP ngày 15/04/2026</p>
7.4	<p>Có mô hình thôn thông minh. Quy định: ≥ 01 mô hình</p>	<p>- 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu.</p> <p>- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số trên địa bàn.</p> <p>- Có điểm truy cập số cộng đồng: Nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tại thôn có kết nối Internet cáp quang băng rộng.</p> <p>- Tối thiểu 90% số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số</p>		<p>Không quy định</p>	<p>Căn cứ Hướng dẫn số 3781/HD-BKHHCN ngày 01/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ và đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ tại văn bản số 02070/SKHHCN-CĐS&BCVT ngày 03/06/2026</p>

		<p>thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn.</p> <p>- Có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng. Người dân trong thôn được phổ biến, tập huấn kỹ năng số tối thiểu 01 lần/năm.</p>		
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	Môi trường và cảnh quan nông thôn		
8.1	<p>Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh. Quy định: Đạt.</p>	<p>- Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, bao gồm: hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường (công trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình bảo vệ môi trường khác); tổ, đội (đơn vị) thu gom, vận chuyển; thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển; điểm tập kết, trạm trung chuyển (nếu có); bãi chôn lấp, khu xử lý chất thải rắn tập trung (nếu có); quy định quản lý chất thải rắn, quy chế vận hành hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có).</p> <p>- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và các tổ chức khác trên địa bàn xã được phân loại, thu gom, xử lý đạt từ 80% trở lên.</p> <p>- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp tại các bãi chôn lấp mà chưa qua xử lý bằng các biện pháp, công đoạn xử lý chất thải khác (bao gồm cả sơ chế, tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng) đạt bằng hoặc dưới 50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn xã.</p>		<p>Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Chi cục Bảo vệ môi trường tại văn bản số 392/CCBVMT-QLCT ngày 30/03/2026</p>
8.2	<p>Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón. Quy định: $\geq 90\%$</p>	<p>Tỷ lệ xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi; xử lý, tái chế phụ phẩm nông nghiệp đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đạt $\geq 90\%$.</p>		<p>Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Chi cục: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (tại văn bản số 286/TTBVTV ngày TT - 26/03/2026; Chăn nuôi và Thú y (tại văn bản số 361/CNTY-CN ngày 06/04/2026)</p>

8.3	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Quy định: 100%	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường; cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường; làng nghề được công nhận đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đạt 100%.		Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Chi cục Bảo vệ môi trường tại văn bản số 392/CCBVMT-QLCT ngày 30/03/2026
8.4	Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường. Quy định: Đạt.	<ul style="list-style-type: none"> - Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường. - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 50\%$. - Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường. - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 50\%$. 	Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng và đề xuất của Sở Xây dựng tại văn bản số 3577/SXD-VP ngày 08/05/2026

8.5	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn. Quy định: Đạt.	Có phương án và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương, có sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép trong quy ước, hương ước, gồm: hệ thống cây xanh; hệ thống ao, hồ; đường làng, ngõ xóm; khu vực công cộng đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.			Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 27/2/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đề xuất của Chi cục Bảo vệ môi trường tại văn bản số 392/CCBVMT-QLCT ngày 30/03/2026			
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công						
9.1	Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Quy định: Đạt.	Đạt	Đạt	Đạt	Căn cứ Văn bản số 2558/BNV-CTTN&BDG ngày 20/3/2026 của Bộ Nội vụ và đề xuất của Sở Nội vụ tại văn bản số 2106/SNV-CQTN&VTLT ngày 03/04/2026			
9.2	Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$. Quy định: Đạt.	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định của Bộ Tư pháp, gồm: Nhóm tiêu chí về công khai, minh bạch; Nhóm tiêu chí về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; Nhóm tiêu chí về bố trí điều kiện bảo đảm; Nhóm tiêu chí về đánh giá chất lượng; Nhóm tiêu chí về xử lý phản ánh, kiến nghị và vi phạm.</p> <table border="1"> <tr> <td>- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 92\%$</td> <td>- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 91\%$</td> <td>- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$</td> </tr> </table>			- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 92\%$	- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 91\%$	- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Căn cứ Hướng dẫn số 2857/HD-BTP ngày 29/4/2026 của Bộ Tư pháp và đề xuất của Văn phòng UBND tỉnh tại văn bản số 958/VPUBND-PVHCC ngày 20/05/2026
- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 92\%$	- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 91\%$	- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$						
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng						
10.1	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Quy định: Đạt.	Đạt	Đạt	Đạt	Theo đề xuất của Sở Tư pháp tại văn bản số 1071/STP-NV2 ngày 02/04/2026			
10.2	An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Công an, gồm: An ninh trật tự được đảm bảo; Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; Lực lượng tham			Căn cứ Hướng dẫn số 07/HD-BCA-V05 ngày 27/3/2026 của Bộ Công an và đề xuất của Công an tỉnh tại văn bản số 4142/CAT-PV01 ngày 15/04/2026			

	lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động. Quy định: Đạt.	gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động.	
10.3	10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã. Quy định: Đạt.	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Công an, gồm: Có hồ sơ xây dựng hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã; Hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet – Các yêu cầu an ninh mạng cơ bản – QCVN 11:2026/BCA; Hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã phát huy vai trò hiệu quả trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn; hỗ trợ kiểm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội, tai nạn giao thông, cháy nổ so với cùng kỳ năm trước trên địa bàn.	
10.4	10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng. Quy định: Đạt.	Đạt các nội dung theo quy định của Bộ Quốc phòng, gồm: Xây dựng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân cấp xã; Thực hiện các tiêu chí quân sự, quốc phòng; Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã; Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo; Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng.	Căn cứ Hướng dẫn số 3132/HD-BQP ngày 12/05/2026 của Bộ Quốc phòng và đề xuất của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại văn bản số 2130/BCH-TM ngày 28/05/2026

2. So sánh quy định khung thí điểm xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 (Phụ lục II):

- Theo quy định tại điểm c khoản 3 Quyết định 51/2025/QĐ-TTg giao UBND cấp tỉnh chủ động quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.

- Việc tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai để triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 của UBND tỉnh Gia Lai và tạo cơ sở pháp lý cho các địa phương tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng, xây dựng lộ trình và triển khai thực hiện các tiêu chí nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế nhằm đảm bảo trong giai đoạn 2026-2030 toàn tỉnh có 10% số xã đạt nông thôn mới hiện đại.

TT	QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	
	Quy định khung thí điểm xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030	Dự thảo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	
I	Về tên gọi: Quy định khung thí điểm xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030	Về tên gọi: Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	
II	Quy định khung thí điểm xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030	Dự thảo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	
		Nội dung	Yêu cầu đạt được
1	Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030).	Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai)	
2	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tỉnh, thành phố tại cùng thời điểm	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tỉnh tại cùng thời điểm	
3	Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại	Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại	
3.1	Bảo đảm hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo;	Bảo đảm hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo	

		a) Bảo đảm hạ tầng số	
		Tỷ lệ thôn, làng, khu phố có hạ tầng băng rộng cố định và di động tốc độ cao (cáp quang, 4G/5G)	100%
		Tỷ lệ hộ có kết nối internet băng rộng	≥90%
		Tỷ lệ các điểm công cộng (trụ sở xã, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế, điểm du lịch...) được kết nối internet băng rộng miễn phí	100%
		Có hệ thống thông tin địa lý (GIS) và cơ sở dữ liệu số phục vụ quản lý dân cư, đất đai, hạ tầng, kinh tế - xã hội cấp xã	Đạt
		Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung, Cổng/Trang thông tin điện tử của xã cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động của địa phương và các thông tin phù hợp khác theo quy định của pháp luật để người dân dễ dàng tra cứu, tiếp cận	100%
		Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thành thạo các nền tảng số cơ bản, thiết yếu; ứng dụng AI trong công việc hàng ngày	100%
		Chính quyền xã quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống dữ liệu số phục vụ điều hành, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”	Đạt
		Chính quyền cấp xã sử dụng hệ thống, nền tảng hợp không giấy trong các cuộc họp	100%
		Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã hoạt động theo mô hình hiện đại, lấy người dân làm trung tâm, gắn với chuyển đổi số và nâng cao trải nghiệm dịch vụ công	Đạt
		Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến toàn trình	≥ 95%
		Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	100%
		b) Sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo	
		Tỷ lệ công trình công cộng (trụ sở UBND xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, đường giao thông, điểm du lịch...) được lắp đặt hệ thống năng lượng mới hoặc tái tạo	≥ 50%
3.2	Có mô hình nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Có mô hình nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	

		a) Có mô hình nông nghiệp thông minh	
		Có mô hình nông nghiệp thông minh trong các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn, phòng chống thiên tai,... hoạt động hiệu quả và có thể nhân rộng	≥01 mô hình
		b) Phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
		Tỷ lệ sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương được đưa lên sàn thương mại điện tử	100%
		Có hợp tác xã nông nghiệp sử dụng dữ liệu số trong sản xuất - kinh doanh (theo dõi thời tiết, đất đai, giống, dịch bệnh, thị trường...)	≥ 01 hợp tác xã
		Có triển khai mô hình Chợ số	≥01 mô hình
		Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhỏ và vừa có sử dụng nền tảng số phục vụ sản xuất kinh doanh	100%
		Tỷ lệ thôn, làng, khu phố có hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông và có kết nối đồng bộ qua Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh	100%
		Có 100% trường học các cấp triển khai Học bạ số, 50% trường học các cấp triển khai phần mềm Trường học số	Đạt
		Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử và được theo dõi, quản lý sức khỏe	100%
3.3	Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn	Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn	
		Xây dựng cơ sở dữ liệu số về: Hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đảm bảo mọi nhóm dân cư đều được tiếp cận, được bảo vệ.	Đạt
		Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤ 1%
		Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥ 50%
3.4	Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống	Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống	
		Tỷ lệ hộ đạt tiêu chí “5 không, 3 sạch, 3 an”	≥ 95%

		Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥95% (trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt ≥50%)
		Được công nhận đạt chuẩn phát triển văn hoá toàn diện cấp xã	Đạt
		Tỷ lệ thôn được tặng danh hiệu “thôn văn hoá”	≥ 95%
3.5	Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	
		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định	≥90%
		Có mô hình bảo vệ môi trường nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn hoặc giảm phát thải	≥ 01 mô hình
		Hệ thống đường làng, ngõ xóm, khu dân cư được chỉnh trang đồng bộ, bảo đảm sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt
		Có không gian xanh công cộng phục vụ cộng đồng	Đạt
3.6	An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	
		Trong 02 năm liền kề tính đến thời điểm xét, xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ Công an.	Đạt
		Xã được xác định địa bàn không ma túy theo quy định tại Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg ngày 24/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành tiêu chí xác định tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy.	Đạt
		Trụ sở làm việc của Công an cấp xã được xây dựng theo quy định; được trang bị cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị bảo đảm tiêu chuẩn, định mức, giải quyết hiệu quả dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp và công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.	Đạt
		Trong 02 năm liền kề tính đến thời điểm xét, tập thể Công an xã được phân loại từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, không có cá nhân vi phạm bị xử lý kỷ luật.	Đạt

